

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CNI cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		875.323.723.898	805.691.559.511
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.927.906.256	85.311.739.324
1. Tiền	111	-	15.869.906.256	45.311.739.324
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	44.058.000.000	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.387.880.000	39.855.378.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	26.405.589.786	40.189.858.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(16.017.709.786)	(334.480.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.620.299.048	335.381.862.552
1. Phải thu khách hàng	131	-	338.483.522.651	279.740.163.135
2. Trả trước cho người bán	132	-	8.535.925.141	48.450.072.960
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.876.077.294	7.222.159.157
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	-	(2.275.226.038)	(30.532.700)
IV. Hàng tồn kho	140		351.855.153.977	268.717.827.233
1. Hàng tồn kho	141	V.5	351.855.153.977	268.717.827.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		103.532.484.617	76.424.752.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2.922.486.620	2.180.294.914
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	2.699.993.447	17.059.004.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	1.038.307.583	123.146.142
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	96.871.696.967	57.062.306.555

JNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		586.780.466.984	305.502.334.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		414.870.137.674	267.693.813.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	327.536.663.780	197.471.885.701
Nguyên giá	222		446.619.560.054	275.625.161.489
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.082.896.274)	(78.153.275.788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	6.599.023.627	5.332.850.947
Nguyên giá	225		8.350.827.544	6.293.514.270
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.751.803.917)	(960.663.323)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	49.409.912.258	16.920.398.771
Nguyên giá	228		52.478.891.948	18.819.898.183
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.068.979.690)	(1.899.499.412)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	31.324.538.009	47.968.678.259
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76.950.279.490	31.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	23.540.279.490	15.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	53.410.000.000	16.020.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.552.627.440	6.788.520.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	7.071.090.665	6.334.484.126
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		256.536.775	309.036.775
3. Tài sản dài hạn khác	268		225.000.000	145.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.15	87.407.422.380	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.462.104.190.882	1.111.193.894.081

JNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.041.119.615.840	678.298.085.034
I.	Nợ ngắn hạn	310		898.325.023.614	526.345.128.464
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	764.278.029.540	389.427.471.597
2.	Phải trả người bán	312		98.053.327.093	90.465.271.493
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.034.229.691	176.049.110
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	11.575.237.962	19.758.241.943
5.	Phải trả người lao động	315		5.408.537.957	4.910.290.727
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	11.519.103.425	9.148.045.864
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1.757.856.572	12.071.248.803
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	4.698.701.374	388.508.927
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		142.794.592.226	151.952.956.570
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.21	14.406.625.000	1.163.825.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	94.292.087.987	150.526.727.858
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		234.598.810	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		262.403.712	262.403.712
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	33.598.876.717	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		369.103.358.361	392.694.395.886
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	369.103.358.361	392.694.395.886
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		267.107.230.000	250.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		69.047.988.652	69.047.988.652
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(9.976.769.000)	(2.446.724.000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		297.500.294	4.811.480.609
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.191.115.097	1.425.236.659
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.095.557.549	712.618.330
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.340.735.769	69.143.795.636
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.25	51.881.216.681	40.201.413.161
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.462.104.190.882	1.111.193.894.081

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

K/ Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HA

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vưa và Nhó Tư Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	603.217.748.543	516.910.391.940	1.958.727.918.055	1.452.135.895.606	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.483.400.745	346.478.317	2.687.907.290	346.478.317	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		601.734.347.798	516.563.913.623	1.956.040.010.765	1.451.789.417.289	
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	529.190.068.470	446.490.799.967	1.692.523.701.842	1.197.884.248.841	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.544.279.328	70.073.113.656	263.516.308.923	253.905.168.448	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	5.046.363.680	9.035.974.291	19.347.960.180	29.335.927.358	
7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	22 23	VL4	53.754.945.140	22.323.907.480	156.524.442.970	95.345.913.133	
			44.099.326.381	17.217.356.788	114.196.195.816	65.698.487.777	
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	17.353.382.540	23.377.822.800	58.693.994.462	69.565.089.977	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	15.376.621.803	7.798.301.089	42.128.468.227	26.780.816.076	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.894.306.474)	25.609.056.578	25.517.363.445	91.549.276.620	
11. Thu nhập khác	31	VL7	354.744.920	30.394.744.239	11.470.046.843	35.299.026.931	
12. Chi phí khác	32	VL8	228.096.479	4.450.221.702	10.253.655.259	5.089.858.415	
13. Lợi nhuận khác	40		126.648.441	25.944.522.537	1.216.391.584	30.209.168.516	



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vua và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		75.113.449	-	252.894.998	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.692.544.584)	51.553.579.115	26.986.650.027	121.758.445.136
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	245.460.365	14.035.174.643	7.989.009.495	31.731.541.819
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		234.598.810	(309.036.775)	287.098.810	(211.470.800)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.172.603.760)	37.827.441.246	18.710.541.721	90.238.374.117
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(22.215.447)	21.091.413.161	4.287.505.947	21.091.413.161
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(9.150.388.313)	16.736.028.085	14.423.035.774	69.146.960.956
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(370)	455	583	3.518

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.986.650.027	121.758.445.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		46.055.589.659	25.657.437.032
- Các khoản dự phòng	03		17.927.923.124	365.012.700
- Lãi; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		802.411.188	472.405.307
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.835.493.039)	(22.869.966.329)
- Chi phí lãi vay	06		114.196.195.816	65.698.487.700
- Lãi do đánh giá tăng tài sản				(29.036.617.508)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		197.133.276.775	162.045.204.115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(131.611.126.718)	(137.731.045.052)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(83.137.326.744)	(92.895.111.222)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		57.750.828.062	52.525.228.872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.478.798.245)	(2.285.540.260)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(112.169.618.453)	(56.690.257.563)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.059.973.024)	(22.671.545.451)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.209.102.504	98.262.376
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(392.243.891)	(4.898.766.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(90.755.879.734)	(102.503.570.991)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(200.869.390.959)	(48.586.571.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.680.454.543	3.467.346.303
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	(9.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.700.000.000	13.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.930.279.490)	(16.500.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	40.604.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.566.354.067	8.818.684.972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(220.852.861.839)	(8.197.340.683)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		17.107.230.000	162.709.488.652
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.530.045.000)	(2.446.724.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.577.463.421.629	1.168.884.344.841
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.263.621.802.723)	(1.111.748.336.518)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(629.000.000)	(2.721.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.661.155.030)	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		286.128.648.876	169.677.772.975
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.480.092.696)	58.976.861.301
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85.311.739.324	26.426.038.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		96.259.628	(91.160.172)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	59.927.906.256	85.311.739.324

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

K/ Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí, kinh doanh thương mại, bán lẻ, xây dựng.
- Tổng số các công ty con** : 02.
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty CPĐT và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 08, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	75.79%	75.79%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	CNI, khu công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà nội	48,41%	48,41%
Công ty Đầu Tư Tài nguyên và Năng Lượng Thăng Long	Lô số 2 CN1, cụm công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, thành phố Hà Nội	45%	45%

7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tên Công ty	Lý do
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa có kết quả kinh doanh.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 910 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.8.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 48 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showrôm, chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích-lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có thực hiện đánh giá lại số dư đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011; kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	460.196.585	1.322.904.842
Tiền gửi ngân hàng	14.824.074.671	43.988.834.482
Tiền đang chuyển	585.635.000	
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	44.058.000.000	40.000.000.000
Cộng	59.927.906.256	85.311.739.324

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu (Công ty niêm yết)	1.333.790	26.405.589.786		30.489.858.000
- DZM			70.300	1.736.410.000
- HSG	110.000	2.178.000.000	119.150	2.359.170.000
- HUT	98.000	1.967.358.845	90.000	1.800.000.000
- KDC			20.400	1.030.200.000
- OGC	12.000	265.000.000	20.000	490.000.000
- PET	217.290	3.954.678.000	217.290	3.954.678.000
- PVX	610.000	12.824.352.941	612.000	12.866.400.000
- TBC	44.500	605.200.000	130.000	1.768.000.000
- VND	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
- HPC	12.000	126.000.000		
Đầu tư ngắn hạn khác		0		9.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Minh Ngọc vay với lãi suất 17%/năm		0		6.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà vay		0		3.000.000.000
Cộng		26.405.589.786		40.189.858.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	334.480.000
Trích lập dự phòng bổ sung	15.683.229.786
Số cuối kỳ	16.017.709.786

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CNI cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011; kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	338.483.522.651	279.740.163.135
Trả trước cho người bán	8.535.925.141	48.450.072.960
Cộng	347.019.447.792	328.190.236.095

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi	120.034.000	4.266.000.000
Phải thu lãi tiền cho vay	2.384.388.887	100.913.889
Công ty Cổ phần Hợp Phú - Phần còn lại của hợp đồng đầu tư đã thanh lý		2.000.000.000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	197.592.746	109.498.333
Thuế VAT hàng về chưa có hóa đơn	144.643.382	410.670.183
Các khoản phải thu khác	2.029.418.279	335.076.752
Cộng	4.876.077.294	7.222.159.157

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.275.226.038	0
Cộng	2.275.226.038	0

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	29.566.601.348	49.611.671.016
Nguyên liệu, vật liệu	171.940.482.935	114.621.065.817
Công cụ, dụng cụ	5.310.197.958	6.082.680.731
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	66	11.427.650
Thành phẩm	119.173.924.120	75.346.564.326
Hàng hóa	25.648.742.585	22.842.538.212
Hàng gửi đi bán	215.204.965	201.879.481
Cộng	351.855.153.977	268.717.827.233

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa, Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	302.198.272	215.213.440
Chi phí lắp biển quảng cáo	1.484.961.539	451.921.660
Chi phí công cụ, dụng cụ	880.257.509	1.087.744.145
Chi phí khác	255.069.300	425.415.669
Cộng	2.922.486.620	2.180.294.914

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	92.358.531.063	47.665.745.629
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.495.752.334	9.396.560.926
Tài sản thiếu chờ xử lý	17.413.570	
Cộng	96.871.696.967	57.062.306.555

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	65.353.072.715	162.744.304.132	41.902.734.669	5.625.049.973	275.625.161.489
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	24.753.849.971	26.428.752.481	1.728.487.272	1.957.953.950	54.869.043.674
Tăng do hợp nhất báo cáo	97.033.209.051	16.743.948.985	6.490.399.420	286.923.581	120.554.481.037
Tăng do đầu tư XD/CB hoàn thành	5.307.906.045				
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(8.436.669.524)		(1.300.362.667)		(9.737.032.191)
Số cuối kỳ	184.011.368.258	205.917.005.598	48.821.258.694	7.869.927.504	446.619.560.054
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		14.754.670.355	986.455.734	873.674.745	16.614.800.834
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.833.860.200	61.441.063.619	9.211.138.231	1.667.213.738	78.153.275.788
Tăng do hợp nhất báo cáo	5.558.082.522	5.217.907.735	1.932.501.532	249.310.014	12.957.801.803
Khấu hao trong kỳ	4.089.790.820	20.864.838.415	4.779.120.534	1.025.070.672	30.758.820.441
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(2.258.596.990)		(528.404.768)		(2.787.001.758)
Số cuối kỳ	13.223.136.552	87.523.809.769	15.394.355.529	2.941.594.424	119.082.896.274
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.519.212.515	101.303.240.513	32.691.596.438	3.957.836.235	197.471.885.701
Số cuối kỳ	170.788.231.706	118.393.195.829	33.426.903.165	4.928.333.080	327.536.663.780

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270		6.293.514.270
Thuê tài chính trong kỳ		2.057.313.274	2.057.313.274
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	960.663.323		960.663.323
Khấu hao trong kỳ	671.130.648	120.009.946	791.140.594
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.631.793.971	120.009.946	1.751.803.917
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.332.850.947		5.332.850.947
Số cuối kỳ	4.661.720.299	1.937.303.328	6.599.023.627

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.702.915.670	2.116.982.513	18.819.898.183
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	36.756.600.444		36.756.600.444
Tăng do hợp nhất báo cáo		25.500.000	25.500.000
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(3.123.106.679)		(3.123.106.679)
Số cuối kỳ	50.336.409.435	2.142.482.513	52.478.891.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.179.769.637	719.729.775	1.899.499.412
Tăng do hợp nhất báo cáo		25.500.000	25.500.000
Khấu hao trong kỳ	1.087.988.645	434.338.176	1.522.326.821
Thanh lý, nhượng bán	(378.346.543)		(378.346.543)
Số cuối kỳ	1.889.411.739	1.179.567.951	3.068.979.690
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.523.146.033	1.397.252.738	16.920.398.771
Số cuối kỳ	48.446.997.696	962.914.562	49.409.912.258

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	47.968.678.250	51.271.604.144	73.493.966.667	29.602.300.375
Nhà máy Sơn Hà tại Học Môn	47.968.678.250	49.727.629.417	72.641.307.667	25.055.000.000
Chi phí phần mềm chăm công		633.000.000		633.000.000
Máy ủ băng		538.317.000	538.317.000	
Hệ thống máy hút bụi		314.342.000	314.342.000	
Máy đánh bóng ống		627.087.591	627.087.591	
Máy lốc ống		60.577.845	60.577.845	
Con lăn tạo hình ống		291.868.687	116.770.885	175.097.802
Máy bơm thủy lực		49.500.000		49.500.000
Công trình mở rộng xưởng sản xuất		2.797.098.025	2.797.098.025	
Máy ép dề xê		6.605.212		6.605.212
Máy in 12m		209.757.514		209.757.514
HD thang máy, thang cuốn		3.415.024.120		3.415.024.120
Các công trình khác		58.315.727		58.315.727
Mua sắm TSCĐ		1.722.237.634		1.722.237.634
Hợp đồng nhận diện thương mại Build Việt		130.000.000		130.000.000
Phần mềm bán hàng siêu thị VNUNI		8.688.000		8.688.000
Phần mềm LS retail (MS)		1.371.346.894		1.371.346.894
Hợp đồng thiêu kế siêu thị		94.549.500		94.549.500
Hợp đồng bàn ghế siêu thị		117.653.240		117.653.240
Cộng	47.968.678.250	52.993.841.778	73.493.966.667	31.324.538.009

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	30,00%	15.000.000.000	30,00%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất thái dương năng	48,41%	9.455.143.164		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các công trình xây dựng	45%	(914.863.674)		
Cộng			23.540.279.490		15.000.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%.

(ii) Trong năm Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty lên 48,41%. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long được ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn và Lê Hoàng Hà theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 4 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư là 13,77 tỷ đồng bao gồm: Tiền mua quyền góp vốn 9.000.000 cổ phần với giá 13,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 là 0,27 tỷ đồng. Theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số: 0500580616 ngày 06 tháng 03 năm 2008 và thay đổi lần 6 ngày 01 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Vốn góp của ông Lê Vĩnh Sơn, ông Lê Hoàng Hà chiếm 45% trong tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

Giá gốc của khoản đầu tư	9.682.000.000
Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(226.856.836)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	9.455.143.164

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

Giá gốc của khoản đầu tư theo tiến độ góp vốn	270.000.000
Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(1.184.863.674)
Lỗ lãi phát sinh lũy kế kỳ trước	(1.055.051.033)
Lỗ phát sinh kỳ này	(129.812.641)
Giá trị thuần khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	(914.863.674)

15. Lợi thế thương mại	Kì này
Số đầu năm	0
Tăng do mua quyền góp vốn vào công ty Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long	13.500.000.000
Tăng do chênh lệch giữa khoản đầu tư và tài sản thuần của công ty Cổ Phần Đầu tư và Kinh doanh Thương Mại Vinaconex	76.494.792.185
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	(2.587.369.805)
Số cuối kỳ	87.407.422.380

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Dự án Paradise Garden ^(a)		12.500.000.000		5.000.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long				6.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà			231.000	2.310.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ^(b1)		21.450.000.000		
Công ty CP Đầu Tư Reenco Sông Hồng ^(b2)		1.750.000.000		
Cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng		15.000.000.000		
Cộng		53.410.000.000		16.020.000.000

^(a) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án "Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden" giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

góp đủ số vốn theo cam kết trong đó vốn đầu tư của Sơn Hà là 9 tỷ và vốn nhận ủy thác đầu tư là 3,5 tỷ.

(b)2) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/1011/HDHTĐT ngày 24 tháng 01 năm 2011 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc về việc hợp tác đầu tư vào dự án "tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower". Tổng vốn góp dự kiến là 240 tỷ đồng, trong đó Công ty góp trực tiếp 35%, tính đến 31 tháng 12 năm 2011 công ty đã góp 1.75 tỷ theo tiến độ hợp đồng và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HDUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư cho Minh Ngọc là 21,45 tỷ đồng gồm: Tiền mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 tương ứng với 19% là 0,95 tỷ đồng.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Tăng do hợp nhất báo cáo	Số cuối kỳ
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	785.490.065	622.154.933	739.901.314		667.743.684
Công cụ dụng cụ	2.175.021.172	4.079.756.086	2.427.065.682	34.072.648	3.861.784.224
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường	50.049.123		50.049.123		
Phí bảo hiểm tài sản	167.447.869	5.571.356	169.769.269		3.249.956
Chi phí xây dựng các showroom	59.980.470		45.955.486		14.024.984
Chi phí sửa chữa tài sản	929.729.491	696.848.820	693.787.347		932.790.964
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	2.129.480.276		858.333.360		1.271.146.916
Các chi phí khác	37.285.660	479.899.802	196.835.525		320.349.937
Cộng	6.334.484.126	5.884.230.997	5.181.697.106	34.072.648	7.071.090.665

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	701.074.600.741	347.843.526.803
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	114.280.631.574	88.195.321.954
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	47.604.874.792	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	34.605.783.657	37.361.196.372
Ngân hàng TMCP Hàng hải	174.086.253.785	130.326.339.430
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	56.677.416.568	39.612.350.385
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	148.564.953.348	42.832.529.880
Ngân hàng TMCP Nam Việt	107.317.992.574	
Ngân hàng TMCP Đại Dương		9.515.788.782
Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh TPHCM	17.936.694.443	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	62.778.928.799	40.359.944.794
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	424.500.000	1.224.000.000
Cộng	764.278.029.540	389.427.471.597

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Vay dài hạn đến		Nợ thuê tài	Cộng
	Vay ngắn hạn	hạn đến hạn trả	chính đến hạn trả	
Số đầu năm	347.843.526.803	40.359.944.794	1.224.000.000	389.427.471.597
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.511.146.084.391			1.511.146.084.391
Tăng do hợp nhất báo cáo		5.100.000.000		5.100.000.000
Số kết chuyển		74.837.301.799	237.000.000	75.074.301.799
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	4.600.887.978			4.600.887.978
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.162.515.898.431)	(57.518.317.794)	(1.036.500.000)	(1.221.070.716.225)
Số cuối năm	701.074.600.741	62.778.928.799	424.500.000	764.278.029.540

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất báo cáo	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.571.608	287.789.172	8.901.817.941	3.758.102.497	5.470.076.224
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.646.694.468		91.293.483.970	91.240.951.567	2.699.226.871
Thuế xuất, nhập khẩu	21.526.629		836.438.533	823.175.570	34.789.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.368.443.610		7.989.009.495	22.059.973.024	2.297.480.081
Thuế thu nhập cá nhân	20.266.020		340.762.281	325.924.708	35.103.593
Tiền thuê đất	134.725.266		581.901.885	716.627.151	0
Các loại thuế khác	404.868.200	3.254.020		407.868.200	254.020
Cộng	19.635.095.801	291.043.192	109.943.414.105	119.332.622.717	10.536.930.381

<i>Trong đó:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	11.575.237.962	19.758.241.943
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(1.038.307.581)	(123.146.142)
Cộng	10.536.930.381	19.635.095.801

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.986.650.027	121.758.445.136
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	4.969.387.985	4.249.690.341
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.427.712.178	4.776.615.657
Lỗ chi nhánh	145.895.553	15.658.379
Lỗ công ty con Vinaconex	751.757.470	
Chi phí không hợp lệ	1.294.163.619	3.524.810.180
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	297.500.294	
Lãi chưa thực hiện của giao dịch mua bán hàng tồn kho, tài sản cố định giữa công ty mẹ và con	938.395.242	1.236.147.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.541.675.807	(526.925.316)
Lãi, lỗ đã thực hiện do hợp nhất kinh doanh	2.377.369.805	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước		(136.661.416)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(582.799.000)	
Lãi đã thực hiện của năm trước		(390.263.900)
Lãi công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	(252.894.998)	
Thu nhập tính thuế	31.956.038.011	126.008.135.477
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.989.009.495	31.502.033.870
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước		229.507.949
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.989.009.495	31.731.541.819

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	11.046.882.203	9.020.304.840
Các khoản phải trả khác	472.221.222	127.741.024
Cộng	11.519.103.425	9.148.045.864

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	16.921.533	38.783.134
Kinh phí công đoàn	566.581.746	761.875.063
Bảo hiểm thất nghiệp	44.071.920	
Nhận ủy thác đầu tư	0	9.050.000.000
Tiền phạt		1.741.503.573
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	979.827.000	
Các khoản phải trả khác	150.454.373	479.087.033
Cộng	1.757.856.572	12.071.248.803

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này
Số đầu năm	388.508.927
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.259.507.447
Tăng khác	50.685.000
Chi quỹ trong kỳ	
Số cuối kỳ	4.698.701.374

23. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.206.625.000	1.163.825.000
Nhận ủy thác hợp tác đầu tư	13.200.000.000	0
Cộng	14.406.625.000	1.163.825.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	42.505.436.173	48.650.503.044
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ^(a)		7.379.043.648
Ngân hàng TMCP Hàng Hải ^(b)	0	10.581.681.180
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 ^(c)	1.081.918.713	3.481.918.712
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(d)	3.181.411.302	6.139.195.302
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ^(e)	21.062.734.915	8.888.630.018
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ^(f)	4.634.392.641	2.988.300.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh ^(g)	0	1.709.843.580
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch ^(h)	12.142.208.602	7.481.890.604
Ngân hàng TMCP Việt nam.Thương Tin (Viet Bank) ⁽ⁱ⁾	402.770.000	
Nợ dài hạn	1.786.651.814	1.876.224.814
Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.786.651.814	1.876.224.814
Trái phiếu	50.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Công ty thời hạn 2 năm	0	50.000.000.000
- Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm ^(k)	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	94.292.087.987	150.526.727.858

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để thanh toán tiền chuyển nhượng hạ tầng, thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và vật kiến trúc gắn liền với đất theo dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất inox" của Công ty tại cụm công nghiệp Phùng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐT/NHCTKVCD SONHA ngày 25 tháng 08 năm 2006 trong thời hạn 65 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Đến 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã trả hết số nợ này.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam để hoàn vốn đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty với tổng giá trị vay là 42,2 tỷ. Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2012 và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng sản xuất tại Diễn, máy móc thiết bị, ô tô phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Phùng và cụm công nghiệp Từ Liêm giá trị 15,5 tỷ VND.

(c) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTĐTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ VND, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.

(d) Vay ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 17 tháng 09 năm 2009, Hợp đồng 6028/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 16 tháng 10 năm 2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTĐ/SME-DN/TCB-HKM ngày 14 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm 2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- (e) Vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn theo 2 hợp đồng tín dụng số số 0121/09/SG ngày 19 tháng 9 năm 2009 và số 0025/10/SG.DN ngày 19 tháng 7 năm 2010 để trả tiền mua đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh và xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng trên đất. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị tài sản hình thành từ vốn vay ước tính 38,421 tỷ VND và hàng tồn kho luân chuyển trị giá 25 tỷ VND;
- (f) Vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh chợ lớn theo các hợp đồng tín dụng số 18010/HĐTD-TDH/DN, 18110/HĐTD-TDH/DN, 18210/HĐTD-TDH/DN ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thanh toán tiền mua ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán LC nhập máy móc thiết bị theo hợp đồng tín dụng số 042/07 ngày 28 tháng 9 năm 2007 trong thời gian 54 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị mua về.
- (h) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo 2 hợp đồng tín dụng 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.
- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số PGDLTT.CN.01280311 ngày 25 tháng 04 năm 2011, số tiền vay 500 triệu VND, thời hạn 36 tháng, lãi suất áp dụng theo từng khế ước, Mục đích vay dùng để mua 1 ô tô hiệu ISUZU NMR85H; Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ vốn vay là 01 chiếc xe ô tô tải 3 chỗ ngồi, hiệu ISUZU NMR85H trị giá 560 triệu VND.
- (k) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng TMCP An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>
Từ 1 năm trở xuống	
Trên 1 năm đến 5 năm	94.292.087.987
Trên 5 năm	
Tổng nợ	<u>94.292.087.987</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn**

	Vay dài hạn ngân hàng			Nợ dài hạn	Cộng
		Thuê tài chính	Trái phiếu		
Số đầu năm	48.650.503.044	1.876.224.814	100.000.000.000		150.526.727.858
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	26.713.466.955	2.237.427.000			28.950.893.955
Tăng do hợp nhất báo cáo				32.574.810.598	
Tăng do CLTG	802.411.188				802.411.188
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(376.275.900)	629.000.000	(9.600.000.000)	(32.574.810.598)	43.180.086.498
Số kết chuyển	(33.284.669.114)	(1.698.000.000)	(40.400.000.000)		75.382.669.114
Số cuối kỳ	42.505.436.173	1.786.651.814	50.000.000.000	0	94.292.087.987

25. Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	267.107.230.000	250.000.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	53.360.000.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	45.000.000.000
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	24.000.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	127.640.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.047.988.652	69.047.988.652
Cổ phiếu quỹ	(9.976.769.000)	(2.446.724.000)
Cộng	326.178.449.652	316.601.264.652

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	559.230	126.710
• Cổ phiếu phổ thông	559.230	126.710
• Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu chia cổ tức	1.706.991	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.147.761	24.873.290
• Cổ phiếu phổ thông	26.147.761	24.873.290
• Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	4.811.480.609	1.425.236.659	712.618.330	69.143.795.636	392.694.395.886
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ			(7.530.045.000)					(7.530.045.000)
Lợi nhuận trong kỳ này							14.423.035.774	14.423.075.794
Trích lập các quỹ trong kỳ này					2.765.878.438	1.382.939.219	(8.408.325.104)	(4.259.507.447)
Chi thù lao hội đồng quản trị							(492.000.000)	(492.000.000)
Phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết							(1.664.615.508)	(1.664.615.508)
Chia cổ tức	17.107.230.000						(36.661.155.030)	(19.553.925.030)
Đánh giá CLTG cuối năm				297.500.294				297.500.294
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá				(4.811.480.609)				(4.811.480.609)
Số dư cuối kỳ này	267.407.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	297.500.294	4.191.115.097	2.095.557.549	36.340.735.769	369.103.358.361

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	40.201.413.161
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	4.287.505.947
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.155.497.573
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.763.200.000)
Số cuối kỳ	51.881.216.681

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

27. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	603.217.748.543	516.910.391.940
- Doanh thu bán hàng hóa	108.069.335.879	176.653.155.509
- Doanh thu bán thành phẩm	485.535.138.997	338.041.511.254
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.613.273.667	2.215.725.177
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.483.400.745)	(346.478.317)
- Chiết khấu thương mại	(418.206.319)	
- Giảm giá hàng bán	(561.666.930)	(346.478.317)
- Hàng bán bị trả lại	(503.527.496)	
Doanh thu thuần	601.734.347.798	516.563.913.623

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	108.069.335.879	176.653.155.509
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	484.051.738.252	337.695.032.937
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.613.273.667	2.215.725.177

- Số liệu lũy kế doanh thu cả năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh tăng 39.860.880 do số liệu lũy kế 9 tháng đầu năm bị cộng thiếu.

28. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	92.863.805.267	146.972.487.228
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	429.294.537.300	298.607.924.772
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.031.725.903	910.387.967
Cộng	529.190.068.470	446.490.799.967

- Số liệu lũy kế giá vốn cả năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh tăng 39.860.880 do số liệu lũy kế 9 tháng đầu năm bị cộng thiếu.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.597.505.333	377.869.133
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.428.858.347	2.824.191.269
Lãi chuyển nhượng công ty con		5.733.000.000
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		100.913.889
Cộng	5.046.363.680	9.035.974.291

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**30. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	44.099.326.381	17.217.356.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		472.405.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.991.628.824	2.579.952.269
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	763.045.567	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.620.091.786	334.480.000
Chi phí tài chính khác	280.852.582	1.719.713.116
Cộng	<u>53.754.945.140</u>	<u>22.323.907.480</u>

31. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	5.105.537.373	3.663.198.888
Chi phí vật liệu, bao bì	2.207.466.427	1.180.744.748
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.652.457	242.462.456
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.408.001.573	7.978.735.538
Chi phí bảo hành	14.100.632	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.734.709.473	4.609.741.121
Chi phí bằng tiền khác	2.803.914.605	5.702.940.049
Cộng	<u>17.353.382.540</u>	<u>23.377.822.800</u>

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.266.805.193	1.945.416.761
Chi phí vật liệu quản lý	1.071.912.035	351.066.168
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.204.056	80.128.911
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.402.889.498	1.110.166.234
Thuế, phí và lệ phí	135.404.782	2.421.809
Chi phí dự phòng	2.244.693.318	30.532.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.110.411.525	2.315.037.846
Chi phí bằng tiền khác	4.121.301.396	1.963.530.660
Cộng	<u>15.376.621.803</u>	<u>7.798.301.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**33. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	199.013.610	
Lãi tiền thanh lý vật tư	29.636.363	
Thu nhập từ CL đánh giá lại tài sản	20.669.813	29.036.617.717
Thu nhập khác	105.425.134	1.358.126.522
Cộng	<u>354.744.920</u>	<u>30.394.744.239</u>

- Số liệu lũy kế thu nhập khác cả năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh tăng 69.230.029 do số liệu lũy kế 9 tháng đầu năm bị cộng thiếu

34. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động	(10.344)	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	120.000.000	
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.500.000	2.163.952.485
Chi phí khác	102.606.823	2.286.269.217
Cộng	<u>228.096.479</u>	<u>4.450.221.702</u>

- Số liệu lũy kế chi phí khác cả năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh tăng 69.230.029 do số liệu lũy kế 9 tháng đầu năm bị cộng thiếu

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.150.388.313)	69.146.960.956
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.150.388.313)	69.146.960.956
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.743.849	19.656.108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(370)</u>	<u>3.518</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.873.290	15.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của 126.710 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 12		(10.559)
Ảnh hưởng của 3.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 6 năm 2010		1.750.000
Ảnh hưởng của 7.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 8 năm 2010		2.916.667
Ảnh hưởng của 217.020 cổ phiếu phổ thông được mua lại trong tháng 1 năm 2011	(217.020)	
Ảnh hưởng của 215.500 cổ phiếu phổ thông được mua lại trong tháng 2 năm 2011	(191.556)	
Ảnh hưởng của 1.710.723 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01.11.2011	285.121	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.743.849	19.656.108

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Hà

